TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh

2. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 và giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh A, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Chí D, sinh năm 1983(vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Thạnh Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/10/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh D kết hôn vào năm 2006, hôn nhân do tự tìm

hiểu rồi tiến tới hôn nhân. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Châu Th, tỉnh An G số 19/05, quyển số 01/2006 ngày 25/5/2006. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến tháng 02/2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm vợ con, hay uống rượu và đánh đập chị. Chị nhiều lần khuyên nhưng anh D không thay đổi. Giữa chị và anh D ly thân nhau từ tháng 9/2011 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh D yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 04/7/2008 và Lê Chí Kh sinh ngày 04/10/2010. Hiện các con do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Chí D vắng mặt trong quá trình tố tụng.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/4/2023 nội dung đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân; con chung và tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn anh Lê Chí D vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh tại Công an xã Bình Thạnh, huyện Châu Th, tỉnh An Giang thể hiện anh Lê Chí D có nơi cư trú tại ấp Thạnh Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hiện có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 BLTTDS 2015. Anh D không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Phía nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh D

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa chị L với anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Châu Th, tỉnh An G số 19/05, quyển số 01/2006 ngày 25/5/2006 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh D. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; nhưng chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn; anh D không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Anh D không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS.

Trong quá trình tố tụng Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị cụ thể: tại biên bản xác minh lấy lời khai bà Phan Thị Thoại mẹ ruột anh D: " *Anh D hiện đang sống chung với bà tại ấp Thạnh Hòa, xã Hòa Bình Thạnh. Việc chị L khởi kiện ly hôn với anh D tại Tòa án, anh biết nhưng do đi làm thuê không đến Tòa án được, anh đồng ý ly hôn, không tranh chấp về con chung, tài sản và nợ chung"*. Tòa án lấy lời khai anh D nhưng anh không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến lấy lời khai xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa anh chị đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị L có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 04/7/2008 và Lê Chí Kh sinh ngày 04/10/2010. Đồng thời tại văn bản trình bày ý kiến của cháu Dương, cháu Kh ngày 28/12/2022 thể hiện các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Mỹ L. Do đó, yêu cầu của chị L là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận.

Chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do chị L không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Chị L, anh D có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L, chị L được ly hôn với anh Lê Chí D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19/05, quyển số 01/2006 ngày 25/5/2006 tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 04/7/2008 và Lê Chí Kh sinh ngày 04/10/2010. Chị L phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh D việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003867 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lê Chí D được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang